

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 09 tháng 6 năm 2020  
“*Không công nhận quan hệ  
vợ chồng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Khiết

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lý Thị Liên

2. Ông Trần Đ Vượng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2020 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn CC, xã PĐ, huyện LNg, tỉnh BG.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn CC, xã PĐ, huyện LNg, tỉnh BG.

(Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2020, bản tự khai, Biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu Tr từ năm 1991, trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 5/2015, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị đã khuyên bảo nhiều nhưng vợ chồng không thể có tiếng nói chung. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Tr theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Tr có 02 con chung: Con lớn tên Nguyễn Thương H, sinh ngày 1992, con nhỏ tên Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1993. Hiện nay đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 14/4/2020, bị đơn là anh Nguyễn Hữu Tr trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị X từ năm 1991, trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 5/2015, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, vợ chồng đã tìm hướng giải quyết nhưng không có kết quả. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị X xin ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị X có 02 con chung: Con lớn tên Nguyễn Thương H, sinh ngày 1992, con nhỏ tên Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1993. Hiện nay đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Tòa án đã tiến hành hòa giải, chị X và anh Tr cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị.

\* Tại phiên tòa hôm nay, chị X giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Tr. Anh Tr vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về việc giải quyết vụ án như: Nhận đơn khởi kiện, giao nhận các văn bản tố tụng; xác định thẩm quyền giải quyết vụ án; tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Lấy lời khai của các đương sự; Biên bản làm việc và biên bản niêm yết và Lập hồ sơ vụ án

đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 98, 184, 195, 196, 204, 205, 209, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên theo thông báo thụ lý vụ án thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo thì bị đơn phải nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nếu có. Trường hợp cần gia hạn thì phải có đơn đề nghị gia hạn gửi cho tòa án nêu rõ lý do để Tòa án xem xét. Tuy nhiên, Thẩm phán không đợi hết thời hạn ghi trong thông báo thụ lý đã ghi lời khai của anh Tr ngày 14/4/2020 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào 14 giờ ngày 14/4/2020 là không đúng quy định tại Điều 199, Điều 208 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 14; Điều 51; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Hữu Tr.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X thì thấy đây là quan hệ “Không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Tr theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] - Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] - Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Hữu Tr đều khai không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống nên đây là trường hợp chung sống như vợ chồng.

Hai bên đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, không hòa giải đoàn tụ được nên

cần chấp nhận yêu cầu của chị X theo quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị X và anh Tr đều xác định con chung đã trưởng thành, sức khỏe tốt, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh Tr đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng Điều 14; Điều 51; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. *Về quan hệ vợ chồng:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Hữu Tr.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001226 ngày 14/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị X đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị X có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tr vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND Huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS h. Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- UBND xã Quý Sơn;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Văn Khiết**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Khiết**